

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **39** /TB-STNMTĐồng Nai, ngày **27** tháng **3** năm 2023**THÔNG BÁO**

Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành do Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land làm chủ đầu tư

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị xác nhận điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land (kèm theo Văn bản số 58/CV-STC ngày 31/12/2022, Văn bản 02/CV-STC ngày 06/01/2023, Văn bản số 12/CV-STC ngày 06/3/2022, Báo cáo số 11/BC-STC ngày 06/3/2023 báo cáo công tác hoàn thành xây dựng công trình và Văn bản số 15/CV-STC ngày 13/3/2023 của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land).

Căn cứ quy định tại Khoản 17, Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Ngày 13/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đề nghị của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land, thành phần tham dự gồm: UBND huyện Long Thành (ủy quyền Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân xã Lộc An, xã Bình Sơn và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land. Đồng thời, ngày 16/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp, thành phần gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tư Pháp, Sở Tài Chính, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land để rà soát hồ sơ pháp lý về đầu tư, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô, bán nền và việc đầu tư xây dựng các công trình xã hội tại dự án.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình đã xây dựng và việc rà soát hồ sơ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Về hồ sơ pháp lý của dự án.

- Ngày 03/12/2020, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 4621/QĐ-UBND công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu

đất 23,4 ha tại xã Bình Sơn và xã Lộc An, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; theo đó, Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land trúng đấu giá khu đất diện tích 234.042,5 m² trong đó: Diện tích đấu giá: 125.212,8 m², (gồm: Đất ở tại nông thôn (khu dân cư đô thị mới): 118.191,5 m²; Đất công trình dịch vụ: 7.021,3 m²) và Diện tích không đấu giá: 108.829,7 m² gồm đất công cộng, đất cây xanh thể dục thể thao, đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật, đơn vị trúng đấu giá có trách nhiệm xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Dự án theo đúng quy hoạch chi tiết, sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, người trúng đấu giá có trách nhiệm bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Long Thành để quản lý, sử dụng theo quy định.

- Ngày 10/5/2021, Cục thuế tỉnh có Văn bản số 4535/CT-QLHKDCNTK xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ và tiền chậm nộp).

- Ngày 20/01/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trong đó: Diện tích đất ở: 118.179,2 m²; Đất công cộng: 11.705,1 m² (gồm: Diện tích đất giáo dục: 8.814,7 m², Y tế: 1.128,5 m² và Hành chính, văn hóa: 1.761,9 m²); Đất thương mại dịch vụ: 6.805,1 m²; Đất cây xanh, mặt nước: 14.049,8 m² (gồm: Cây xanh: 12.751,5 m², Mặt nước: 1.298,3 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật: 500,0 m² và Đất giao thông: 82.803,3 m².

- Ngày 25/01/2022, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai có Văn bản số 64/CN-KT thỏa thuận đấu nối nước của cho Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

- Ngày 21/02/2022, Sở Giao thông vận tải có Văn bản số 649/SGTVT-QLGT chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông đường khu dân cư xã Lộc An, xã Bình Sơn đấu nối vào đường ĐT.769, đoạn Km27+300 (P).

- Ngày 23/02/2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 483/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “*Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành (diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người)*” của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

- Ngày 30/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành có Văn bản số 2861/UBND-KT chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông đường Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành của Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đấu nối vào đường cụm công nghiệp Bình Sơn.

- Ngày 29/4/2022, Sở Xây dựng có Văn bản số 1172/SXD-QLXD thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà ở (263 căn) thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land làm chủ đầu tư.

- Ngày 11/5/2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1208/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích đất ghi tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4621/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh; theo đó, điều chỉnh nội dung như sau:

Diện tích khu đất: 234.042,5 m², trong đó:

+ Diện tích đấu giá: 124.984,3 m²; gồm: Đất ở tại nông thôn (khu dân cư đô thị mới): 118.179,2 m²; Đất công trình dịch vụ (đất thương mại dịch vụ): 6.805,1 m².

+ Diện tích không đấu giá: 109.058,2 m² (gồm: đất công cộng, đất cây xanh, mặt nước, đất giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật), người trúng đấu giá có trách nhiệm xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Dự án theo đúng quy hoạch chi tiết. Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, người trúng đấu giá có trách nhiệm bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Long Thành để quản lý, sử dụng theo quy định.

- Ngày 07/6/2022, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép thi công số 17/GP-SGTVT để thi công đấu nối đường nội bộ Khu dân cư Lộc An - Bình Sơn vào đường ĐT.769 tại Km 27+300 bên phải tuyến.

- Ngày 28/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với 1.083 thửa đất ở và 03 thửa đất thương mại dịch vụ cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land.

- Ngày 12/7/2022, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đã ký văn bản Thỏa thuận đấu nối điện số 80/BBTT.

- Ngày 10/11/2022, Sở Xây dựng có Văn bản số 3808/SXD-QLCLXD kết thúc xử lý thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đối với hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

- Ngày 07/12/2022, Ủy ban Nhân dân huyện Long Thành cấp Giấy phép xây dựng số 198/GPXD cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land xây dựng trục đường D4 thuộc phạm vi Dự án.

- Ngày 30/12/2022, Sở Xây dựng có Văn bản số 4590/SXD-TTr thông báo kết quả kiểm tra công trình xây dựng theo Văn bản số 1172/SXD-QLXD ngày 29/4/2022 thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà ở (263 căn) thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

- Ngày 22/02/2023, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 27/NT-PCCC chấp nhận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình hạ tầng kỹ thuật tại Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

- Ngày 16/3/2023, UBND tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 32/GPMT-UBND cấp phép môi trường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với hạng mục nhà liên kế phố thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn.

2. Về kết quả kiểm tra tại thực địa:

2.1. Về hạ tầng kỹ thuật, xã hội:

a) Về hạ tầng kỹ thuật:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đã thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà ở (263 căn) thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 1172/SXD-QLXD ngày 29/4/2022 và Giấy phép xây dựng số 198/GPXD ngày 07/12/2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Long Thành cấp phép xây dựng trục đường D4 thuộc phạm vi Dự án.

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai đã kiểm tra hiện trạng công trình và có Văn bản số 4590/SXD-TTR ngày 30/12/2022 thông báo kết quả kiểm tra công trình xây dựng theo Văn bản số 1172/SXD-QLXD ngày 29/4/2022 của Sở Xây dựng và theo kết quả kiểm tra vào ngày 13/3/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức ghi nhận Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đã thực hiện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật tại dự án.

- Về đầu nối giao thông:

+ Đối với việc đầu nối vào đường ĐT.769: Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông đường KDC xã Lộc An, xã Bình Sơn đầu nối vào đường ĐT.769, đoạn Km27+300 (P) tại Văn bản số 649/SGTVT-QLGT ngày 21/02/2022.

+ Đối với việc đầu nối vào đường cụm công nghiệp Bình Sơn: UBND huyện Long Thành chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông

đường đường Khu dân theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành của Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đầu nối vào đường cụm công nghiệp Bình Sơn tại Văn bản số 2861/UBND-KT ngày 30/3/2022.

- Về đấu nối điện lực: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đã ký văn bản thỏa thuận đấu nối điện giữa số 80/BBTT ngày 12/7/2022.

- Về đấu nối cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã thỏa thuận đấu nối cấp nước cho Dự án Khu dân theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành tại Văn bản số 64/CN-KT ngày 25/01/2022.

- Về thỏa thuận đấu nối nước thải, thoát nước, xử lý nước thải: UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép môi trường số 32/GPMT-UBND ngày 16/3/2023 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với hạng mục nhà liên kế phố thuộc dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn.

- Về hệ thống phòng cháy chữa cháy: Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Đồng Nai chấp nhận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình HTKT Dự án Khu dân theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành tại Văn bản số 27/NT-PCCC ngày 22/02/2023.

b) Về hạ tầng xã hội:

- Theo nội dung họp ngày 16/3/2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường các thành phần tham dự họp thống nhất Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land không phải thực hiện việc xây dựng các công trình hạ tầng xã hội gồm Diện tích đất giáo dục: 8.814,7 m², Y tế: 1.128,5 m² và Hành chính, văn hóa: 1.761,9 m²); do phần diện tích đất này Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land không trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Ngày 13/3/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land đã có Văn bản số 15/CV-STC đề nghị UBND huyện Long Thành nhận bàn giao đối với diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội gồm Diện tích đất giáo dục: 8.814,7 m², Y tế: 1.128,5 m² và Hành chính, văn hóa: 1.761,9 m².

2.2. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền:

Theo nội dung tại Văn bản số 542/SXD-QLN-TTBĐS ngày 28/02/2023 và Văn bản số 911/SXD-QLN-TTBĐS ngày 22/3/2023 của Sở Xây dựng, qua rà soát hồ sơ pháp lý của dự án Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land không phải thực hiện xây dựng nhà ở trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án đối với 820 thửa đất Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land xin xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ Điều 188, Điều 194 Luật Đất đai năm 2013; khoản 17, khoản 22 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; các hồ sơ, tài liệu có liên quan và báo cáo công tác hoàn thành xây dựng công trình do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land cung cấp. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo 820 thửa đất thuộc Dự án Khu dân theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*đính kèm danh sách*).

Vị trí, ranh giới các thửa đất được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 282/2022, tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh xác lập ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh;
- Công ty CP Đầu tư BĐS STC Golden Land;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công khai trên trang TTĐT của UBND tỉnh);
- Trung tâm CNTT(đăng công khai trên trang TTĐT của Sở Tài nguyên và Môi trường);
- Lưu: VT, QH (L.06b).

D:\Linh\thongbao.ktra.hatang.STC-23,4.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thế Vinh

Danh sách các thửa đất đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu dân theo quy hoạch tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành

Kèm theo Thông báo số 39 /TB-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
1	2	332	95,0	ONT	DC411788	Lộc An	
2	2	331	95,0	ONT	DC411787	Lộc An	
3	2	330	95,0	ONT	DC411786	Lộc An	
4	2	329	95,0	ONT	DC411785	Lộc An	
5	2	328	95,0	ONT	DC411784	Lộc An	
6	2	327	95,0	ONT	DC411783	Lộc An	
7	2	326	95,0	ONT	DC411782	Lộc An	
8	2	325	207,2	ONT	DC411781	Lộc An	
9	2	341	153,5	ONT	DC411797	Lộc An	
10	2	340	95,0	ONT	DC411796	Lộc An	
11	2	339	95,0	ONT	DC411795	Lộc An	
12	2	338	95,0	ONT	DC411794	Lộc An	
13	2	337	95,0	ONT	DC411793	Lộc An	
14	2	336	95,0	ONT	DC411792	Lộc An	
15	2	335	95,0	ONT	DC411791	Lộc An	
16	2	334	95,0	ONT	DC411790	Lộc An	
17	2	333	95,0	ONT	DC411789	Lộc An	
18	2	355	114,0	ONT	DC411811	Lộc An	
19	2	354	95,0	ONT	DC411810	Lộc An	
20	2	353	95,0	ONT	DC411809	Lộc An	
21	2	352	95,0	ONT	DC411808	Lộc An	
22	2	351	95,0	ONT	DC411807	Lộc An	
23	2	350	95,0	ONT	DC411806	Lộc An	
24	2	349	95,0	ONT	DC411805	Lộc An	
25	2	348	95,0	ONT	DC411804	Lộc An	
26	2	347	95,0	ONT	DC411803	Lộc An	
27	2	346	95,0	ONT	DC411802	Lộc An	
28	2	345	95,0	ONT	DC411801	Lộc An	
29	2	344	95,0	ONT	DC411800	Lộc An	
30	2	343	95,0	ONT	DC411799	Lộc An	
31	2	342	153,5	ONT	DC411798	Lộc An	
32	2	372	153,5	ONT	DC411828	Lộc An	
33	2	371	95,0	ONT	DC411827	Lộc An	
34	2	370	95,0	ONT	DC411826	Lộc An	
35	2	369	95,0	ONT	DC411825	Lộc An	
36	2	368	95,0	ONT	DC411824	Lộc An	
37	2	367	95,0	ONT	DC411823	Lộc An	
38	2	366	95,0	ONT	DC411822	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
39	2	365	95,0	ONT	DC411821	Lộc An	
40	2	364	95,0	ONT	DC411820	Lộc An	
41	2	363	95,0	ONT	DC411819	Lộc An	
42	2	362	95,0	ONT	DC411818	Lộc An	
43	2	361	95,0	ONT	DC411817	Lộc An	
44	2	360	95,0	ONT	DC411816	Lộc An	
45	2	359	95,0	ONT	DC411815	Lộc An	
46	2	358	95,0	ONT	DC411814	Lộc An	
47	2	357	95,0	ONT	DC411813	Lộc An	
48	2	356	114,0	ONT	DC411812	Lộc An	
49	2	380	100,0	ONT	DC411836	Lộc An	
50	2	379	100,0	ONT	DC411835	Lộc An	
51	2	378	100,0	ONT	DC411834	Lộc An	
52	2	377	100,0	ONT	DC411833	Lộc An	
53	2	376	100,0	ONT	DC411832	Lộc An	
54	2	375	100,0	ONT	DC411831	Lộc An	
55	2	374	100,0	ONT	DC411830	Lộc An	
56	2	373	156,3	ONT	DC411829	Lộc An	
57	2	381	207,5	ONT	DC411837	Lộc An	
58	2	382	100,0	ONT	DC411838	Lộc An	
59	2	383	100,0	ONT	DC411839	Lộc An	
60	2	384	100,0	ONT	DC411840	Lộc An	
61	2	385	100,0	ONT	DC573201	Lộc An	
62	2	386	100,0	ONT	DC573202	Lộc An	
63	2	387	100,0	ONT	DC573203	Lộc An	
64	2	396	162,0	ONT	DC411852	Lộc An	
65	2	395	100,0	ONT	DC411851	Lộc An	
66	2	394	100,0	ONT	DC411850	Lộc An	
67	2	393	100,0	ONT	DC411849	Lộc An	
68	2	392	100,0	ONT	DC411848	Lộc An	
69	2	391	100,0	ONT	DC411847	Lộc An	
70	2	390	100,0	ONT	DC411846	Lộc An	
71	2	389	100,0	ONT	DC411845	Lộc An	
72	2	388	100,0	ONT	DC411844	Lộc An	
73	2	397	100,0	ONT	DC411853	Lộc An	
74	2	398	100,0	ONT	DC411854	Lộc An	
75	2	399	100,0	ONT	DC411855	Lộc An	
76	2	400	100,0	ONT	DC411856	Lộc An	
77	2	401	100,0	ONT	DC411857	Lộc An	
78	2	402	100,0	ONT	DC411858	Lộc An	
79	2	403	100,0	ONT	DC411859	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
80	2	404	100,0	ONT	DC411860	Lộc An	
81	2	405	162,0	ONT	DC411861	Lộc An	
82	2	419	120,0	ONT	DC411875	Lộc An	
83	2	418	100,0	ONT	DC411874	Lộc An	
84	2	417	100,0	ONT	DC411873	Lộc An	
85	2	416	100,0	ONT	DC411872	Lộc An	
86	2	415	100,0	ONT	DC411871	Lộc An	
87	2	414	100,0	ONT	DC411870	Lộc An	
88	2	413	100,0	ONT	DC411869	Lộc An	
89	2	412	100,0	ONT	DC411868	Lộc An	
90	2	411	100,0	ONT	DC411867	Lộc An	
91	2	410	100,0	ONT	DC411866	Lộc An	
92	2	409	100,0	ONT	DC411865	Lộc An	
93	2	408	100,0	ONT	DC411864	Lộc An	
94	2	407	100,0	ONT	DC411863	Lộc An	
95	2	406	162,0	ONT	DC411862	Lộc An	
96	2	420	162,0	ONT	DC411876	Lộc An	
97	2	421	100,0	ONT	DC411877	Lộc An	
98	2	422	100,0	ONT	DC411878	Lộc An	
99	2	423	100,0	ONT	DC411879	Lộc An	
100	2	424	100,0	ONT	DC411880	Lộc An	
101	2	425	100,0	ONT	DC411881	Lộc An	
102	2	426	100,0	ONT	DC411882	Lộc An	
103	2	427	100,0	ONT	DC573204	Lộc An	
104	2	428	100,0	ONT	DC573205	Lộc An	
105	2	429	100,0	ONT	DC573206	Lộc An	
106	2	430	100,0	ONT	DC573207	Lộc An	
107	2	431	100,0	ONT	DC411886	Lộc An	
108	2	432	100,0	ONT	DC411887	Lộc An	
109	2	433	120,0	ONT	DC411888	Lộc An	
110	2	450	162,0	ONT	DC411905	Lộc An	
111	2	449	100,0	ONT	DC411904	Lộc An	
112	2	448	100,0	ONT	DC411903	Lộc An	
113	2	447	100,0	ONT	DC411902	Lộc An	
114	2	446	100,0	ONT	DC411901	Lộc An	
115	2	445	100,0	ONT	DC411900	Lộc An	
116	2	444	100,0	ONT	DC411899	Lộc An	
117	2	443	100,0	ONT	DC411898	Lộc An	
118	2	442	100,0	ONT	DC411897	Lộc An	
119	2	441	100,0	ONT	DC411896	Lộc An	
120	2	440	100,0	ONT	DC411895	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
121	2	439	100,0	ONT	DC411894	Lộc An	
122	2	438	100,0	ONT	DC411893	Lộc An	
123	2	437	100,0	ONT	DC411892	Lộc An	
124	2	436	100,0	ONT	DC411891	Lộc An	
125	2	435	100,0	ONT	DC411890	Lộc An	
126	2	434	120,0	ONT	DC411889	Lộc An	
127	2	451	120,0	ONT	DC411906	Lộc An	
128	2	452	100,0	ONT	DC411907	Lộc An	
129	2	453	100,0	ONT	DC411908	Lộc An	
130	2	454	100,0	ONT	DC411909	Lộc An	
131	2	455	100,0	ONT	DC411910	Lộc An	
132	2	456	100,0	ONT	DC573366	Lộc An	
133	2	457	100,0	ONT	DC573367	Lộc An	
134	2	458	100,0	ONT	DC573368	Lộc An	
135	2	459	100,0	ONT	DC411914	Lộc An	
136	2	460	100,0	ONT	DC411915	Lộc An	
137	2	461	100,0	ONT	DC411916	Lộc An	
138	2	462	100,0	ONT	DC411917	Lộc An	
139	2	463	100,0	ONT	DC411918	Lộc An	
140	2	464	100,0	ONT	DC411919	Lộc An	
141	2	465	100,0	ONT	DC411920	Lộc An	
142	2	466	100,0	ONT	DC411921	Lộc An	
143	2	467	162,0	ONT	DC411922	Lộc An	
144	2	469	90,0	ONT	DC411924	Lộc An	
145	2	470	90,0	ONT	DC411925	Lộc An	
146	2	471	90,0	ONT	DC411926	Lộc An	
147	2	472	90,0	ONT	DC411927	Lộc An	
148	2	473	90,0	ONT	DC411928	Lộc An	
149	2	474	90,0	ONT	DC411929	Lộc An	
150	2	475	90,0	ONT	DC411930	Lộc An	
151	2	476	90,0	ONT	DC411931	Lộc An	
152	2	477	90,0	ONT	DC411932	Lộc An	
153	2	478	90,0	ONT	DC411933	Lộc An	
154	2	479	90,0	ONT	DC411934	Lộc An	
155	2	480	90,0	ONT	DC411935	Lộc An	
156	2	468	126,9	ONT	DC411923	Lộc An	
157	2	481	182,4	ONT	DC411936	Lộc An	
158	2	482	108,0	ONT	DC411937	Lộc An	
159	2	483	88,2	ONT	DC411938	Lộc An	
160	2	484	100,0	ONT	DC411939	Lộc An	
161	2	485	107,6	ONT	DC411940	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
162	2	486	114,9	ONT	DC411941	Lộc An	
163	2	487	119,2	ONT	DC411942	Lộc An	
164	2	488	120,0	ONT	DC411943	Lộc An	
165	2	489	120,0	ONT	DC411944	Lộc An	
166	2	490	120,0	ONT	DC411945	Lộc An	
167	2	491	120,0	ONT	DC411946	Lộc An	
168	2	492	120,0	ONT	DC411947	Lộc An	
169	2	493	120,0	ONT	DC411948	Lộc An	
170	2	494	120,0	ONT	DC573369	Lộc An	
171	2	495	120,0	ONT	DC573370	Lộc An	
172	2	496	120,0	ONT	DC573371	Lộc An	
173	2	497	120,0	ONT	DC411952	Lộc An	
174	2	498	120,0	ONT	DC411953	Lộc An	
175	2	499	120,0	ONT	DC411954	Lộc An	
176	2	500	152,4	ONT	DC411955	Lộc An	
177	2	501	90,0	ONT	DC411956	Lộc An	
178	2	502	90,0	ONT	DC411957	Lộc An	
179	2	503	90,0	ONT	DC411958	Lộc An	
180	2	504	90,0	ONT	DC411959	Lộc An	
181	2	505	90,0	ONT	DC411960	Lộc An	
182	2	506	90,0	ONT	DC411961	Lộc An	
183	2	507	90,0	ONT	DC411962	Lộc An	
184	2	508	90,0	ONT	DC411963	Lộc An	
185	2	509	90,0	ONT	DC411964	Lộc An	
186	2	510	90,0	ONT	DC411965	Lộc An	
187	2	511	90,0	ONT	DC411967	Lộc An	
188	2	512	90,0	ONT	DC411968	Lộc An	
189	2	513	90,0	ONT	DC411969	Lộc An	
190	2	514	90,0	ONT	DC573492	Lộc An	
191	2	515	90,0	ONT	DC411970	Lộc An	
192	2	516	90,0	ONT	DC411971	Lộc An	
193	2	517	90,0	ONT	DC411972	Lộc An	
194	2	518	90,0	ONT	DC411973	Lộc An	
195	2	519	127,0	ONT	DC411974	Lộc An	
196	2	539	127,0	ONT	DC411994	Lộc An	
197	2	538	90,0	ONT	DC411993	Lộc An	
198	2	537	90,0	ONT	DC411992	Lộc An	
199	2	536	90,0	ONT	DC411991	Lộc An	
200	2	535	90,0	ONT	DC411990	Lộc An	
201	2	534	90,0	ONT	DC411989	Lộc An	
202	2	533	90,0	ONT	DC411988	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
203	2	532	90,0	ONT	DC411987	Lộc An	
204	2	531	90,0	ONT	DC411986	Lộc An	
205	2	530	90,8	ONT	DC411985	Lộc An	
206	2	529	93,3	ONT	DC411984	Lộc An	
207	2	528	97,7	ONT	DC411983	Lộc An	
208	2	527	103,0	ONT	DC411982	Lộc An	
209	2	526	108,3	ONT	DC411981	Lộc An	
210	2	525	113,6	ONT	DC411980	Lộc An	
211	2	524	118,9	ONT	DC411979	Lộc An	
212	2	520	186,7	ONT	DC411975	Lộc An	
213	2	521	96,8	ONT	DC411976	Lộc An	
214	2	522	102,0	ONT	DC411977	Lộc An	
215	2	523	107,3	ONT	DC573647	Lộc An	
216	2	553	162,0	ONT	DC573408	Lộc An	
217	2	552	100,0	ONT	DC573407	Lộc An	
218	2	551	100,0	ONT	DC573406	Lộc An	
219	2	550	100,0	ONT	DC573405	Lộc An	
220	2	549	100,0	ONT	DC573404	Lộc An	
221	2	548	100,0	ONT	DC573403	Lộc An	
222	2	547	100,0	ONT	DC573374	Lộc An	
223	2	546	100,0	ONT	DC573373	Lộc An	
224	2	545	100,0	ONT	DC573372	Lộc An	
225	2	544	100,0	ONT	DC411999	Lộc An	
226	2	543	100,0	ONT	DC411998	Lộc An	
227	2	542	100,0	ONT	DC411997	Lộc An	
228	2	541	100,0	ONT	DC411996	Lộc An	
229	2	540	120,0	ONT	DC411995	Lộc An	
230	2	567	120,0	ONT	DC573422	Lộc An	
231	2	566	100,0	ONT	DC573421	Lộc An	
232	2	565	100,0	ONT	DC573420	Lộc An	
233	2	564	100,0	ONT	DC573419	Lộc An	
234	2	563	100,0	ONT	DC573377	Lộc An	
235	2	562	100,0	ONT	DC573376	Lộc An	
236	2	561	100,0	ONT	DC573375	Lộc An	
237	2	560	100,0	ONT	DC573415	Lộc An	
238	2	559	100,0	ONT	DC573414	Lộc An	
239	2	558	100,0	ONT	DC573413	Lộc An	
240	2	557	100,0	ONT	DC573412	Lộc An	
241	2	556	100,0	ONT	DC573411	Lộc An	
242	2	555	100,0	ONT	DC573410	Lộc An	
243	2	554	152,0	ONT	DC573409	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
244	2	579	179,5	ONT	DC573434	Lộc An	
245	2	578	100,0	ONT	DC573433	Lộc An	
246	2	577	100,0	ONT	DC573432	Lộc An	
247	2	576	100,0	ONT	DC573431	Lộc An	
248	2	575	100,0	ONT	DC573430	Lộc An	
249	2	574	100,0	ONT	DC573429	Lộc An	
250	2	573	100,0	ONT	DC573428	Lộc An	
251	2	572	100,0	ONT	DC573427	Lộc An	
252	2	571	100,0	ONT	DC573426	Lộc An	
253	2	570	100,0	ONT	DC573425	Lộc An	
254	2	569	100,0	ONT	DC573424	Lộc An	
255	2	568	201,5	ONT	DC573423	Lộc An	
256	2	580	168,0	ONT	DC573435	Lộc An	
257	2	581	100,0	ONT	DC573436	Lộc An	
258	2	582	100,0	ONT	DC573437	Lộc An	
259	2	583	100,0	ONT	DC573438	Lộc An	
260	2	584	100,0	ONT	DC573439	Lộc An	
261	2	585	100,0	ONT	DC573440	Lộc An	
262	2	586	100,0	ONT	DC573441	Lộc An	
263	2	587	100,0	ONT	DC573442	Lộc An	
264	2	588	100,0	ONT	DC573443	Lộc An	
265	2	589	100,0	ONT	DC573444	Lộc An	
266	2	590	100,0	ONT	DC573445	Lộc An	
267	2	591	100,0	ONT	DC573446	Lộc An	
268	2	592	120,0	ONT	DC573447	Lộc An	
269	2	593	120,0	ONT	DC573448	Lộc An	
270	2	594	100,0	ONT	DC573449	Lộc An	
271	2	595	100,0	ONT	DC573450	Lộc An	
272	2	596	100,0	ONT	DC573451	Lộc An	
273	2	597	100,0	ONT	DC573452	Lộc An	
274	2	598	100,0	ONT	DC573453	Lộc An	
275	2	599	100,0	ONT	DC573454	Lộc An	
276	2	600	100,0	ONT	DC573455	Lộc An	
277	2	601	100,0	ONT	DC573456	Lộc An	
278	2	602	100,0	ONT	DC573457	Lộc An	
279	2	603	100,0	ONT	DC573458	Lộc An	
280	2	604	100,0	ONT	DC573459	Lộc An	
281	2	605	100,0	ONT	DC573460	Lộc An	
282	2	606	100,0	ONT	DC573461	Lộc An	
283	2	607	100,0	ONT	DC573462	Lộc An	
284	2	608	100,0	ONT	DC573463	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
285	2	609	100,0	ONT	DC573464	Lộc An	
286	2	610	100,0	ONT	DC573465	Lộc An	
287	2	611	100,0	ONT	DC573466	Lộc An	
288	2	612	100,0	ONT	DC573467	Lộc An	
289	2	613	100,0	ONT	DC573468	Lộc An	
290	2	614	100,0	ONT	DC573469	Lộc An	
291	2	615	100,0	ONT	DC573470	Lộc An	
292	3	263	120,0	ONT	DC411144	Bình Sơn	
293	3	262	100,0	ONT	DC411143	Bình Sơn	
294	3	261	100,0	ONT	DC411142	Bình Sơn	
295	3	260	100,0	ONT	DC411141	Bình Sơn	
296	3	259	100,0	ONT	DC411140	Bình Sơn	
297	3	258	100,0	ONT	DC411139	Bình Sơn	
298	3	257	100,0	ONT	DC411138	Bình Sơn	
299	3	256	100,0	ONT	DC411137	Bình Sơn	
300	3	255	100,0	ONT	DC411136	Bình Sơn	
301	3	254	100,0	ONT	DC411135	Bình Sơn	
302	3	253	100,0	ONT	DC411134	Bình Sơn	
303	3	252	100,0	ONT	DC573639	Bình Sơn	
304	3	251	100,0	ONT	DC411132	Bình Sơn	
305	3	250	152,0	ONT	DC411131	Bình Sơn	
306	3	277	162,0	ONT	DC411158	Bình Sơn	
307	3	276	100,0	ONT	DC411157	Bình Sơn	
308	3	275	100,0	ONT	DC411156	Bình Sơn	
309	3	274	100,0	ONT	DC411155	Bình Sơn	
310	3	273	100,0	ONT	DC411154	Bình Sơn	
311	3	272	100,0	ONT	DC411153	Bình Sơn	
312	3	271	100,0	ONT	DC411152	Bình Sơn	
313	3	270	100,0	ONT	DC411151	Bình Sơn	
314	3	269	100,0	ONT	DC411150	Bình Sơn	
315	3	268	100,0	ONT	DC411149	Bình Sơn	
316	3	267	100,0	ONT	DC411148	Bình Sơn	
317	3	266	100,0	ONT	DC411147	Bình Sơn	
318	3	265	100,0	ONT	DC411146	Bình Sơn	
319	3	264	120,0	ONT	DC411145	Bình Sơn	
320	3	278	120,0	ONT	DC411159	Bình Sơn	
321	3	279	120,0	ONT	DC411160	Bình Sơn	
322	3	280	120,0	ONT	DC411161	Bình Sơn	
323	3	281	120,0	ONT	DC411162	Bình Sơn	
324	3	282	120,0	ONT	DC411163	Bình Sơn	
325	3	283	120,0	ONT	DC411164	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
326	3	284	120,0	ONT	DC573645	Bình Sơn	
327	3	285	120,0	ONT	DC411166	Bình Sơn	
328	3	286	120,0	ONT	DC411167	Bình Sơn	
329	3	287	120,0	ONT	DC411168	Bình Sơn	
330	3	288	192,0	ONT	DC411169	Bình Sơn	
331	3	303	162,0	ONT	DC573500	Bình Sơn	
332	3	304	100,0	ONT	DC573499	Bình Sơn	
333	3	305	100,0	ONT	DC411186	Bình Sơn	
334	3	306	100,0	ONT	DC411187	Bình Sơn	
335	3	307	100,0	ONT	DC411188	Bình Sơn	
336	3	308	100,0	ONT	DC411189	Bình Sơn	
337	3	309	100,0	ONT	DC411190	Bình Sơn	
338	3	310	100,0	ONT	DC573358	Bình Sơn	
339	3	311	100,0	ONT	DC573359	Bình Sơn	
340	3	312	100,0	ONT	DC573360	Bình Sơn	
341	3	313	100,0	ONT	DC573361	Bình Sơn	
342	3	314	100,0	ONT	DC573497	Bình Sơn	
343	3	315	100,0	ONT	DC411196	Bình Sơn	
344	3	316	120,0	ONT	DC411197	Bình Sơn	
345	3	289	120,0	ONT	DC411170	Bình Sơn	
346	3	290	100,0	ONT	DC411171	Bình Sơn	
347	3	291	100,0	ONT	DC411172	Bình Sơn	
348	3	292	100,0	ONT	DC411173	Bình Sơn	
349	3	293	100,0	ONT	DC411174	Bình Sơn	
350	3	294	100,0	ONT	DC411175	Bình Sơn	
351	3	295	100,0	ONT	DC411176	Bình Sơn	
352	3	296	100,0	ONT	DC411177	Bình Sơn	
353	3	297	100,0	ONT	DC411178	Bình Sơn	
354	3	298	100,0	ONT	DC411179	Bình Sơn	
355	3	299	100,0	ONT	DC411180	Bình Sơn	
356	3	300	100,0	ONT	DC411181	Bình Sơn	
357	3	301	100,0	ONT	DC411182	Bình Sơn	
358	3	302	162,0	ONT	DC573983	Bình Sơn	
359	3	331	120,0	ONT	DC411212	Bình Sơn	
360	3	332	100,0	ONT	DC411213	Bình Sơn	
361	3	333	100,0	ONT	DC411214	Bình Sơn	
362	3	334	100,0	ONT	DC573362	Bình Sơn	
363	3	335	100,0	ONT	DC573363	Bình Sơn	
364	3	336	100,0	ONT	DC573364	Bình Sơn	
365	3	337	100,0	ONT	DC573365	Bình Sơn	
366	3	338	100,0	ONT	DC411219	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
367	3	339	100,0	ONT	DC411220	Bình Sơn	
368	3	340	100,0	ONT	DC411221	Bình Sơn	
369	3	341	100,0	ONT	DC411222	Bình Sơn	
370	3	342	100,0	ONT	DC411223	Bình Sơn	
371	3	343	100,0	ONT	DC411224	Bình Sơn	
372	3	344	152,0	ONT	DC411225	Bình Sơn	
373	3	317	152,0	ONT	DC573640	Bình Sơn	
374	3	318	100,0	ONT	DC411199	Bình Sơn	
375	3	319	100,0	ONT	DC411200	Bình Sơn	
376	3	320	100,0	ONT	DC411201	Bình Sơn	
377	3	321	100,0	ONT	DC411202	Bình Sơn	
378	3	322	100,0	ONT	DC411203	Bình Sơn	
379	3	323	100,0	ONT	DC411204	Bình Sơn	
380	3	324	100,0	ONT	DC411205	Bình Sơn	
381	3	325	100,0	ONT	DC411206	Bình Sơn	
382	3	326	100,0	ONT	DC411207	Bình Sơn	
383	3	327	100,0	ONT	DC411208	Bình Sơn	
384	3	328	100,0	ONT	DC411209	Bình Sơn	
385	3	329	100,0	ONT	DC411210	Bình Sơn	
386	3	330	120,0	ONT	DC411211	Bình Sơn	
387	2	616	97,5	ONT	DC573471	Lộc An	
388	2	617	97,5	ONT	DC573472	Lộc An	
389	2	618	97,5	ONT	DC573473	Lộc An	
390	2	619	97,5	ONT	DC573474	Lộc An	
391	2	620	97,5	ONT	DC573475	Lộc An	
392	2	621	97,5	ONT	DC573476	Lộc An	
393	2	622	97,5	ONT	DC573477	Lộc An	
394	2	623	97,5	ONT	DC573478	Lộc An	
395	2	624	97,5	ONT	DC573479	Lộc An	
396	2	625	97,5	ONT	DC573480	Lộc An	
397	2	626	97,5	ONT	DC573481	Lộc An	
398	2	627	97,5	ONT	DC573482	Lộc An	
399	2	628	97,5	ONT	DC573483	Lộc An	
400	2	629	97,5	ONT	DC573484	Lộc An	
401	2	630	138,3	ONT	DC573485	Lộc An	
402	3	359	172,0	ONT	DC411240	Bình Sơn	
403	3	360	100,0	ONT	DC411241	Bình Sơn	
404	3	361	100,0	ONT	DC411242	Bình Sơn	
405	3	362	100,0	ONT	DC411243	Bình Sơn	
406	3	363	100,0	ONT	DC411244	Bình Sơn	
407	3	364	100,0	ONT	DC411245	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
408	3	365	100,0	ONT	DC411246	Bình Sơn	
409	3	366	100,0	ONT	DC411247	Bình Sơn	
410	3	367	100,0	ONT	DC411248	Bình Sơn	
411	3	368	100,0	ONT	DC411249	Bình Sơn	
412	3	369	100,0	ONT	DC411250	Bình Sơn	
413	3	370	100,0	ONT	DC411251	Bình Sơn	
414	3	371	100,0	ONT	DC411252	Bình Sơn	
415	3	372	120,0	ONT	DC411253	Bình Sơn	
416	3	358	120,0	ONT	DC411239	Bình Sơn	
417	3	357	100,0	ONT	DC411238	Bình Sơn	
418	3	356	100,0	ONT	DC411237	Bình Sơn	
419	3	355	100,0	ONT	DC411236	Bình Sơn	
420	3	354	100,0	ONT	DC411235	Bình Sơn	
421	3	353	100,0	ONT	DC411234	Bình Sơn	
422	3	352	100,0	ONT	DC411233	Bình Sơn	
423	3	351	100,0	ONT	DC411232	Bình Sơn	
424	3	350	100,0	ONT	DC411231	Bình Sơn	
425	3	349	100,0	ONT	DC411230	Bình Sơn	
426	3	348	100,0	ONT	DC411229	Bình Sơn	
427	3	347	100,0	ONT	DC411228	Bình Sơn	
428	3	346	100,0	ONT	DC411227	Bình Sơn	
429	3	345	172,0	ONT	DC411226	Bình Sơn	
430	3	387	120,0	ONT	DC411268	Bình Sơn	
431	3	388	100,0	ONT	DC411269	Bình Sơn	
432	3	389	100,0	ONT	DC411270	Bình Sơn	
433	3	390	100,0	ONT	DC411271	Bình Sơn	
434	3	391	100,0	ONT	DC411272	Bình Sơn	
435	3	392	100,0	ONT	DC411273	Bình Sơn	
436	3	393	100,0	ONT	DC411274	Bình Sơn	
437	3	394	100,0	ONT	DC411275	Bình Sơn	
438	3	395	100,0	ONT	DC411276	Bình Sơn	
439	3	396	100,0	ONT	DC411277	Bình Sơn	
440	3	397	100,0	ONT	DC411278	Bình Sơn	
441	3	398	100,0	ONT	DC411279	Bình Sơn	
442	3	399	100,0	ONT	DC411280	Bình Sơn	
443	3	400	172,0	ONT	DC411281	Bình Sơn	
444	3	386	172,0	ONT	DC411267	Bình Sơn	
445	3	385	100,0	ONT	DC411266	Bình Sơn	
446	3	384	100,0	ONT	DC411265	Bình Sơn	
447	3	383	100,0	ONT	DC411264	Bình Sơn	
448	3	382	100,0	ONT	DC411263	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
449	3	381	100,0	ONT	DC411262	Bình Sơn	
450	3	380	100,0	ONT	DC411261	Bình Sơn	
451	3	379	100,0	ONT	DC411260	Bình Sơn	
452	3	378	100,0	ONT	DC411259	Bình Sơn	
453	3	377	100,0	ONT	DC411258	Bình Sơn	
454	3	376	100,0	ONT	DC411257	Bình Sơn	
455	3	375	100,0	ONT	DC411256	Bình Sơn	
456	3	374	100,0	ONT	DC573494	Bình Sơn	
457	3	373	120,0	ONT	DC573493	Bình Sơn	
458	3	401	172,0	ONT	DC411282	Bình Sơn	
459	3	402	120,0	ONT	DC411283	Bình Sơn	
460	3	403	120,0	ONT	DC411284	Bình Sơn	
461	3	404	120,0	ONT	DC411285	Bình Sơn	
462	3	405	120,0	ONT	DC411286	Bình Sơn	
463	3	406	120,0	ONT	DC411287	Bình Sơn	
464	3	407	120,0	ONT	DC411288	Bình Sơn	
465	3	408	120,0	ONT	DC411289	Bình Sơn	
466	3	409	120,0	ONT	DC411290	Bình Sơn	
467	3	410	120,0	ONT	DC411291	Bình Sơn	
468	3	411	120,0	ONT	DC411292	Bình Sơn	
469	3	412	120,0	ONT	DC411293	Bình Sơn	
470	3	413	120,0	ONT	DC411294	Bình Sơn	
471	3	414	120,0	ONT	DC411295	Bình Sơn	
472	3	415	120,0	ONT	DC411296	Bình Sơn	
473	3	416	120,0	ONT	DC411297	Bình Sơn	
474	3	417	120,0	ONT	DC573646	Bình Sơn	
475	3	418	120,0	ONT	DC411299	Bình Sơn	
476	3	419	120,0	ONT	DC411300	Bình Sơn	
477	3	420	120,0	ONT	DC411301	Bình Sơn	
478	3	421	120,0	ONT	DC411302	Bình Sơn	
479	3	422	120,0	ONT	DC411303	Bình Sơn	
480	3	423	120,0	ONT	DC411304	Bình Sơn	
481	3	424	172,0	ONT	DC411305	Bình Sơn	
482	3	425	152,0	ONT	DC411306	Bình Sơn	
483	3	426	120,0	ONT	DC411307	Bình Sơn	
484	3	427	120,0	ONT	DC411308	Bình Sơn	
485	3	428	120,0	ONT	DC411309	Bình Sơn	
486	3	429	120,0	ONT	DC411310	Bình Sơn	
487	3	430	120,0	ONT	DC411311	Bình Sơn	
488	3	431	120,0	ONT	DC411312	Bình Sơn	
489	3	432	120,0	ONT	DC411313	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
490	3	433	120,0	ONT	DC411314	Bình Sơn	
491	3	434	120,0	ONT	DC411315	Bình Sơn	
492	3	435	120,0	ONT	DC411316	Bình Sơn	
493	3	436	120,0	ONT	DC411317	Bình Sơn	
494	3	437	120,0	ONT	DC411318	Bình Sơn	
495	3	438	120,0	ONT	DC411319	Bình Sơn	
496	3	439	120,0	ONT	DC411320	Bình Sơn	
497	3	440	120,0	ONT	DC411321	Bình Sơn	
498	3	441	120,0	ONT	DC411322	Bình Sơn	
499	3	442	120,0	ONT	DC411323	Bình Sơn	
500	3	443	120,0	ONT	DC411324	Bình Sơn	
501	3	444	120,0	ONT	DC411326	Bình Sơn	
502	3	445	120,0	ONT	DC411327	Bình Sơn	
503	3	446	152,0	ONT	DC411328	Bình Sơn	
504	3	462	142,0	ONT	DC411343	Bình Sơn	
505	3	463	100,0	ONT	DC411344	Bình Sơn	
506	3	464	100,0	ONT	DC411345	Bình Sơn	
507	3	465	100,0	ONT	DC411346	Bình Sơn	
508	3	466	100,0	ONT	DC411347	Bình Sơn	
509	3	467	100,0	ONT	DC411348	Bình Sơn	
510	3	468	100,0	ONT	DC411349	Bình Sơn	
511	3	469	100,0	ONT	DC411350	Bình Sơn	
512	3	470	100,0	ONT	DC411351	Bình Sơn	
513	3	471	100,0	ONT	DC411352	Bình Sơn	
514	3	472	100,0	ONT	DC411353	Bình Sơn	
515	3	473	100,0	ONT	DC411354	Bình Sơn	
516	3	474	100,0	ONT	DC411355	Bình Sơn	
517	3	475	100,0	ONT	DC411356	Bình Sơn	
518	3	476	100,0	ONT	DC411357	Bình Sơn	
519	3	461	103,0	ONT	DC411342	Bình Sơn	
520	3	460	102,5	ONT	DC411341	Bình Sơn	
521	3	459	102,5	ONT	DC411340	Bình Sơn	
522	3	458	102,5	ONT	DC411339	Bình Sơn	
523	3	457	102,5	ONT	DC573496	Bình Sơn	
524	3	456	102,5	ONT	DC411338	Bình Sơn	
525	3	455	102,5	ONT	DC411337	Bình Sơn	
526	3	454	102,5	ONT	DC411336	Bình Sơn	
527	3	453	102,5	ONT	DC411335	Bình Sơn	
528	3	452	102,5	ONT	DC411334	Bình Sơn	
529	3	451	102,5	ONT	DC411333	Bình Sơn	
530	3	450	102,5	ONT	DC411332	Bình Sơn	



STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
531	3	449	102,5	ONT	DC411331	Bình Sơn	
532	3	448	102,5	ONT	DC411330	Bình Sơn	
533	3	447	145,9	ONT	DC411329	Bình Sơn	
534	3	491	100,0	ONT	DC411372	Bình Sơn	
535	3	492	100,0	ONT	DC411373	Bình Sơn	
536	3	493	100,0	ONT	DC411374	Bình Sơn	
537	3	494	100,0	ONT	DC411375	Bình Sơn	
538	3	495	100,0	ONT	DC411376	Bình Sơn	
539	3	496	100,0	ONT	DC411377	Bình Sơn	
540	3	497	100,0	ONT	DC411378	Bình Sơn	
541	3	498	100,0	ONT	DC411379	Bình Sơn	
542	3	499	100,0	ONT	DC411380	Bình Sơn	
543	3	500	100,0	ONT	DC411381	Bình Sơn	
544	3	501	100,0	ONT	DC411382	Bình Sơn	
545	3	502	100,0	ONT	DC411383	Bình Sơn	
546	3	503	100,0	ONT	DC411384	Bình Sơn	
547	3	504	142,0	ONT	DC411385	Bình Sơn	
548	3	490	167,8	ONT	DC411371	Bình Sơn	
549	3	489	116,0	ONT	DC411370	Bình Sơn	
550	3	488	115,1	ONT	DC411369	Bình Sơn	
551	3	487	114,1	ONT	DC411368	Bình Sơn	
552	3	486	113,2	ONT	DC411367	Bình Sơn	
553	3	485	112,3	ONT	DC411366	Bình Sơn	
554	3	484	111,3	ONT	DC411365	Bình Sơn	
555	3	483	110,4	ONT	DC411364	Bình Sơn	
556	3	482	109,4	ONT	DC411363	Bình Sơn	
557	3	481	108,5	ONT	DC411362	Bình Sơn	
558	3	480	107,5	ONT	DC411361	Bình Sơn	
559	3	479	106,6	ONT	DC411360	Bình Sơn	
560	3	478	105,7	ONT	DC411359	Bình Sơn	
561	3	477	104,7	ONT	DC411358	Bình Sơn	
562	3	513	95,0	ONT	DC573351	Bình Sơn	
563	3	512	95,0	ONT	DC411393	Bình Sơn	
564	3	511	95,0	ONT	DC411392	Bình Sơn	
565	3	510	95,0	ONT	DC411391	Bình Sơn	
566	3	509	95,0	ONT	DC411390	Bình Sơn	
567	3	508	95,0	ONT	DC411389	Bình Sơn	
568	3	507	95,0	ONT	DC411388	Bình Sơn	
569	3	506	95,0	ONT	DC411387	Bình Sơn	
570	3	505	142,6	ONT	DC411386	Bình Sơn	
571	3	522	156,2	ONT	DC411403	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
572	3	521	95,0	ONT	DC411402	Bình Sơn	
573	3	520	95,0	ONT	DC411401	Bình Sơn	
574	3	519	95,0	ONT	DC411400	Bình Sơn	
575	3	518	95,0	ONT	DC411399	Bình Sơn	
576	3	517	95,0	ONT	DC411398	Bình Sơn	
577	3	516	95,0	ONT	DC411397	Bình Sơn	
578	3	515	95,0	ONT	DC411396	Bình Sơn	
579	3	514	95,0	ONT	DC411395	Bình Sơn	
580	3	532	134,5	ONT	DC411413	Bình Sơn	
581	3	531	95,0	ONT	DC411412	Bình Sơn	
582	3	530	95,0	ONT	DC411411	Bình Sơn	
583	3	529	95,0	ONT	DC411410	Bình Sơn	
584	3	528	95,0	ONT	DC411409	Bình Sơn	
585	3	527	95,0	ONT	DC411408	Bình Sơn	
586	3	526	95,0	ONT	DC411407	Bình Sơn	
587	3	525	95,0	ONT	DC411406	Bình Sơn	
588	3	524	95,0	ONT	DC573352	Bình Sơn	
589	3	523	95,0	ONT	DC573353	Bình Sơn	
590	3	542	95,0	ONT	DC411423	Bình Sơn	
591	3	541	95,0	ONT	DC411422	Bình Sơn	
592	3	540	95,0	ONT	DC411421	Bình Sơn	
593	3	539	95,0	ONT	DC411420	Bình Sơn	
594	3	538	95,0	ONT	DC411419	Bình Sơn	
595	3	537	95,0	ONT	DC411418	Bình Sơn	
596	3	536	95,0	ONT	DC411417	Bình Sơn	
597	3	535	95,0	ONT	DC411416	Bình Sơn	
598	3	534	95,0	ONT	DC411415	Bình Sơn	
599	3	533	134,5	ONT	DC411414	Bình Sơn	
600	3	551	140,0	ONT	DC411432	Bình Sơn	
601	3	550	100,0	ONT	DC411431	Bình Sơn	
602	3	549	100,0	ONT	DC411430	Bình Sơn	
603	3	548	100,0	ONT	DC411429	Bình Sơn	
604	3	547	100,0	ONT	DC411428	Bình Sơn	
605	3	546	100,0	ONT	DC411427	Bình Sơn	
606	3	545	100,0	ONT	DC411426	Bình Sơn	
607	3	544	100,0	ONT	DC411425	Bình Sơn	
608	3	543	148,6	ONT	DC411424	Bình Sơn	
609	3	560	163,6	ONT	DC411441	Bình Sơn	
610	3	559	100,0	ONT	DC411440	Bình Sơn	
611	3	558	100,0	ONT	DC441439	Bình Sơn	
612	3	557	100,0	ONT	DC441438	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
613	3	556	100,0	ONT	DC441437	Bình Sơn	
614	3	555	100,0	ONT	DC441436	Bình Sơn	
615	3	554	100,0	ONT	DC441435	Bình Sơn	
616	3	553	100,0	ONT	DC441434	Bình Sơn	
617	3	552	140,0	ONT	DC441433	Bình Sơn	
618	3	570	142,0	ONT	DC411451	Bình Sơn	
619	3	569	100,0	ONT	DC411450	Bình Sơn	
620	3	568	100,0	ONT	DC411449	Bình Sơn	
621	3	567	100,0	ONT	DC411448	Bình Sơn	
622	3	566	100,0	ONT	DC411447	Bình Sơn	
623	3	565	100,0	ONT	DC411446	Bình Sơn	
624	3	564	100,0	ONT	DC411445	Bình Sơn	
625	3	563	100,0	ONT	DC411444	Bình Sơn	
626	3	562	100,0	ONT	DC411443	Bình Sơn	
627	3	561	100,0	ONT	DC411442	Bình Sơn	
628	3	580	100,0	ONT	DC411461	Bình Sơn	
629	3	579	100,0	ONT	DC411460	Bình Sơn	
630	3	578	100,0	ONT	DC411459	Bình Sơn	
631	3	577	100,0	ONT	DC411458	Bình Sơn	
632	3	576	100,0	ONT	DC411457	Bình Sơn	
633	3	575	100,0	ONT	DC411456	Bình Sơn	
634	3	574	100,0	ONT	DC411455	Bình Sơn	
635	3	573	100,0	ONT	DC411454	Bình Sơn	
636	3	572	100,0	ONT	DC411453	Bình Sơn	
637	3	571	142,0	ONT	DC411452	Bình Sơn	
638	3	590	95,0	ONT	DC411471	Bình Sơn	
639	3	589	95,0	ONT	DC411470	Bình Sơn	
640	3	588	95,0	ONT	DC411469	Bình Sơn	
641	3	587	95,0	ONT	DC411468	Bình Sơn	
642	3	586	95,0	ONT	DC411467	Bình Sơn	
643	3	585	95,0	ONT	DC411466	Bình Sơn	
644	3	584	95,0	ONT	DC411465	Bình Sơn	
645	3	583	95,0	ONT	DC411464	Bình Sơn	
646	3	582	95,0	ONT	DC411463	Bình Sơn	
647	3	581	120,6	ONT	DC411462	Bình Sơn	
648	3	591	134,2	ONT	DC411472	Bình Sơn	
649	3	592	95,0	ONT	DC411473	Bình Sơn	
650	3	593	95,0	ONT	DC411474	Bình Sơn	
651	3	594	95,0	ONT	DC411475	Bình Sơn	
652	3	595	95,0	ONT	DC411476	Bình Sơn	
653	3	596	95,0	ONT	DC411477	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
654	3	597	95,0	ONT	DC411478	Bình Sơn	
655	3	598	95,0	ONT	DC411479	Bình Sơn	
656	3	599	95,0	ONT	DC411480	Bình Sơn	
657	3	600	95,0	ONT	DC411481	Bình Sơn	
658	3	610	134,5	ONT	DC411491	Bình Sơn	
659	3	609	95,0	ONT	DC411490	Bình Sơn	
660	3	608	95,0	ONT	DC411489	Bình Sơn	
661	3	607	95,0	ONT	DC411488	Bình Sơn	
662	3	606	95,0	ONT	DC411487	Bình Sơn	
663	3	605	95,0	ONT	DC411486	Bình Sơn	
664	3	604	95,0	ONT	DC411485	Bình Sơn	
665	3	603	95,0	ONT	DC411484	Bình Sơn	
666	3	602	95,0	ONT	DC411483	Bình Sơn	
667	3	601	95,0	ONT	DC411482	Bình Sơn	
668	3	620	95,0	ONT	DC411501	Bình Sơn	
669	3	619	95,0	ONT	DC411500	Bình Sơn	
670	3	618	95,0	ONT	DC411499	Bình Sơn	
671	3	617	95,0	ONT	DC411498	Bình Sơn	
672	3	616	95,0	ONT	DC411497	Bình Sơn	
673	3	615	95,0	ONT	DC411496	Bình Sơn	
674	3	614	95,0	ONT	DC411495	Bình Sơn	
675	3	613	95,0	ONT	DC411494	Bình Sơn	
676	3	612	95,0	ONT	DC411493	Bình Sơn	
677	3	611	134,5	ONT	DC411492	Bình Sơn	
678	3	637	142,0	ONT	DC411518	Bình Sơn	
679	3	638	100,0	ONT	DC411519	Bình Sơn	
680	3	639	100,0	ONT	DC411520	Bình Sơn	
681	3	640	100,0	ONT	DC411521	Bình Sơn	
682	3	641	100,0	ONT	DC411522	Bình Sơn	
683	3	642	100,0	ONT	DC411523	Bình Sơn	
684	3	643	100,0	ONT	DC411524	Bình Sơn	
685	3	644	100,0	ONT	DC411525	Bình Sơn	
686	3	645	100,0	ONT	DC411526	Bình Sơn	
687	3	646	100,0	ONT	DC411527	Bình Sơn	
688	3	647	100,0	ONT	DC411528	Bình Sơn	
689	3	648	100,0	ONT	DC411529	Bình Sơn	
690	3	649	100,0	ONT	DC411530	Bình Sơn	
691	3	650	100,0	ONT	DC411531	Bình Sơn	
692	3	651	100,0	ONT	DC411532	Bình Sơn	
693	3	652	100,0	ONT	DC411533	Bình Sơn	
694	3	636	100,0	ONT	DC411517	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
695	3	635	100,0	ONT	DC411516	Bình Sơn	
696	3	634	100,0	ONT	DC411515	Bình Sơn	
697	3	633	100,0	ONT	DC411514	Bình Sơn	
698	3	632	100,0	ONT	DC411513	Bình Sơn	
699	3	631	100,0	ONT	DC411512	Bình Sơn	
700	3	630	100,0	ONT	DC573354	Bình Sơn	
701	3	629	100,0	ONT	DC573355	Bình Sơn	
702	3	628	100,0	ONT	DC573356	Bình Sơn	
703	3	627	100,0	ONT	DC573357	Bình Sơn	
704	3	626	100,0	ONT	DC411507	Bình Sơn	
705	3	625	100,0	ONT	DC411506	Bình Sơn	
706	3	624	100,0	ONT	DC411505	Bình Sơn	
707	3	623	100,0	ONT	DC411504	Bình Sơn	
708	3	622	100,0	ONT	DC411503	Bình Sơn	
709	3	621	142,0	ONT	DC411502	Bình Sơn	
710	3	659	123,3	ONT	DC411540	Bình Sơn	
711	3	658	87,5	ONT	DC411539	Bình Sơn	
712	3	657	87,5	ONT	DC411538	Bình Sơn	
713	3	656	87,5	ONT	DC411537	Bình Sơn	
714	3	655	87,5	ONT	DC411536	Bình Sơn	
715	3	654	87,5	ONT	DC411535	Bình Sơn	
716	3	653	123,2	ONT	DC411534	Bình Sơn	
717	3	673	114,0	ONT	DC411554	Bình Sơn	
718	3	672	95,0	ONT	DC411553	Bình Sơn	
719	3	671	95,0	ONT	DC411552	Bình Sơn	
720	3	670	95,0	ONT	DC411551	Bình Sơn	
721	3	669	95,0	ONT	DC411550	Bình Sơn	
722	3	668	95,0	ONT	DC411549	Bình Sơn	
723	3	667	95,0	ONT	DC573989	Bình Sơn	
724	3	666	95,0	ONT	DC411547	Bình Sơn	
725	3	665	95,0	ONT	DC411546	Bình Sơn	
726	3	664	95,0	ONT	DC411545	Bình Sơn	
727	3	663	95,0	ONT	DC411544	Bình Sơn	
728	3	662	95,0	ONT	DC411543	Bình Sơn	
729	3	661	95,0	ONT	DC411542	Bình Sơn	
730	3	660	144,0	ONT	DC411541	Bình Sơn	
731	3	683	134,5	ONT	DC411564	Bình Sơn	
732	3	682	95,0	ONT	DC411563	Bình Sơn	
733	3	681	95,0	ONT	DC411562	Bình Sơn	
734	3	680	95,0	ONT	DC411561	Bình Sơn	
735	3	679	95,0	ONT	DC411560	Bình Sơn	



STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
736	3	678	95,0	ONT	DC411559	Bình Sơn	
737	3	677	95,0	ONT	DC411558	Bình Sơn	
738	3	676	95,0	ONT	DC411557	Bình Sơn	
739	3	675	95,0	ONT	DC411556	Bình Sơn	
740	3	674	95,0	ONT	DC411555	Bình Sơn	
741	3	693	140,0	ONT	DC411574	Bình Sơn	
742	3	692	100,0	ONT	DC411573	Bình Sơn	
743	3	691	100,0	ONT	DC411572	Bình Sơn	
744	3	690	100,0	ONT	DC411571	Bình Sơn	
745	3	689	100,0	ONT	DC411570	Bình Sơn	
746	3	688	100,0	ONT	DC411569	Bình Sơn	
747	3	687	100,0	ONT	DC411568	Bình Sơn	
748	3	686	100,0	ONT	DC411567	Bình Sơn	
749	3	685	100,0	ONT	DC411566	Bình Sơn	
750	3	684	137,2	ONT	DC411565	Bình Sơn	
751	3	694	92,3	ONT	DC411575	Bình Sơn	
752	3	695	93,9	ONT	DC411576	Bình Sơn	
753	3	696	95,5	ONT	DC411577	Bình Sơn	
754	3	697	97,1	ONT	DC411578	Bình Sơn	
755	3	698	98,1	ONT	DC411579	Bình Sơn	
756	3	699	98,9	ONT	DC411580	Bình Sơn	
757	3	700	99,6	ONT	DC411581	Bình Sơn	
758	3	701	100,4	ONT	DC411582	Bình Sơn	
759	3	702	101,1	ONT	DC411583	Bình Sơn	
760	3	703	101,9	ONT	DC411584	Bình Sơn	
761	3	704	102,6	ONT	DC411585	Bình Sơn	
762	3	705	103,4	ONT	DC411586	Bình Sơn	
763	3	706	104,1	ONT	DC411587	Bình Sơn	
764	3	707	104,9	ONT	DC411588	Bình Sơn	
765	3	708	105,6	ONT	DC411589	Bình Sơn	
766	3	709	106,4	ONT	DC411590	Bình Sơn	
767	3	710	107,2	ONT	DC411591	Bình Sơn	
768	3	711	107,9	ONT	DC411592	Bình Sơn	
769	3	712	108,7	ONT	DC411593	Bình Sơn	
770	3	713	109,4	ONT	DC411594	Bình Sơn	
771	3	714	110,3	ONT	DC411595	Bình Sơn	
772	3	715	111,5	ONT	DC411596	Bình Sơn	
773	3	716	112,3	ONT	DC411597	Bình Sơn	
774	3	717	113,0	ONT	DC411598	Bình Sơn	
775	3	718	113,8	ONT	DC411599	Bình Sơn	
776	3	719	114,5	ONT	DC411600	Bình Sơn	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
777	3	720	115,3	ONT	DC411601	Bình Sơn	
778	3	721	116,0	ONT	DC411602	Bình Sơn	
779	3	722	116,8	ONT	DC411603	Bình Sơn	
780	3	723	117,5	ONT	DC411604	Bình Sơn	
781	3	724	118,3	ONT	DC411605	Bình Sơn	
782	3	725	119,0	ONT	DC411606	Bình Sơn	
783	3	726	119,8	ONT	DC411607	Bình Sơn	
784	3	727	120,5	ONT	DC411608	Bình Sơn	
785	3	728	121,3	ONT	DC411609	Bình Sơn	
786	3	729	122,0	ONT	DC411610	Bình Sơn	
787	3	730	122,8	ONT	DC411611	Bình Sơn	
788	3	731	123,5	ONT	DC411612	Bình Sơn	
789	3	732	124,2	ONT	DC411613	Bình Sơn	
790	2	150	195,1	ONT	DC411616	Lộc An	
791	2	151	156,0	ONT	DC411617	Lộc An	
792	2	152	156,0	ONT	DC411618	Lộc An	
793	2	153	156,0	ONT	DC411619	Lộc An	
794	2	154	156,0	ONT	DC411620	Lộc An	
795	2	155	156,0	ONT	DC411621	Lộc An	
796	2	156	156,0	ONT	DC411622	Lộc An	
797	2	157	156,0	ONT	DC411623	Lộc An	
798	2	158	156,0	ONT	DC411624	Lộc An	
799	2	159	156,0	ONT	DC411625	Lộc An	
800	2	160	156,0	ONT	DC411626	Lộc An	
801	2	161	156,0	ONT	DC411627	Lộc An	
802	2	162	156,0	ONT	DC411628	Lộc An	
803	2	163	156,0	ONT	DC411629	Lộc An	
804	2	164	156,0	ONT	DC411630	Lộc An	
805	2	165	157,7	ONT	DC411631	Lộc An	
806	2	180	157,8	ONT	DC411647	Lộc An	
807	2	179	156,0	ONT	DC411646	Lộc An	
808	2	178	156,0	ONT	DC411645	Lộc An	
809	2	177	156,0	ONT	DC411644	Lộc An	
810	2	176	156,0	ONT	DC411643	Lộc An	
811	2	175	156,0	ONT	DC411642	Lộc An	
812	2	174	156,0	ONT	DC411641	Lộc An	
813	2	173	156,0	ONT	DC411640	Lộc An	
814	2	172	156,0	ONT	DC411639	Lộc An	
815	2	171	156,0	ONT	DC411638	Lộc An	
816	2	170	156,0	ONT	DC411637	Lộc An	
817	2	169	156,0	ONT	DC411635	Lộc An	

STT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Địa điểm (xã)	Ghi chú
818	2	168	156,0	ONT	DC411634	Lộc An	
819	2	167	156,0	ONT	DC573633	Lộc An	
820	2	166	270,6	ONT	DC411632	Lộc An	

